

Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST

Ngày 26-9-2025

V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN KHU VỰC 5 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Vận và ông Nguyễn Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhượng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nông Quang Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 06/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2025; về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 9 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2025/QĐXXST/HNGĐ, ngày 22/9/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nông Thị H, sinh năm 1998. Địa chỉ: Thôn K, xã L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Vương Văn T, sinh năm 1999. Địa chỉ: Thôn P, xã N, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

- Người làm chứng: Ông Vương Văn C, sinh năm 1976. Địa chỉ thôn P, xã N, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 30/6/2025, lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nông Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn chị và anh Vương Văn T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức hôn lễ theo phong tục địa phương năm 2015, đăng ký kết hôn ngày 08/11/2018 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. (nay là xã N, tỉnh Lạng Sơn) Sau hôn lễ chị sống cùng nhà với bố mẹ chồng, thời gian đầu chung sống bình thường, không có mâu

thuần lớn xảy ra, được khoảng 03 năm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do không tìm được tiếng nói chung, anh Vương Văn T ham chơi, đánh bạc có khi đi vài ngày chưa về, không quan tâm gì đến vợ con, chị và bố mẹ hai bên gia đình đều góp ý khuyên anh nhưng anh không nghe, tình cảm vợ chồng rạn nứt không thể hàn gắn được, năm 2021 anh Vương Văn T vi phạm pháp luật và đi chấp hành án, chị cũng đi làm công ty ở Bắc Giang sau đó chị về sinh sống với bố mẹ đẻ tại thôn K, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã L, tỉnh Lạng Sơn) vợ chồng ly thân cho đến nay, đến tháng 5/2025 anh Vương Văn T chấp hành án xong trở về nhưng anh chị cũng không hàn gắn được tình cảm, trong thời gian ly thân chị và anh Vương Văn T không liên lạc và không quan tâm gì giành cho nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vương Văn T.

Về con chung: Có một người con chung: Cháu Vương Bảo N, sinh ngày 11/01/2016, khi ly hôn chị yêu cầu anh Vương Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, chị Nông Thị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Hiện nay chị đi làm Công ty ở Bắc Giang thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 10.000.000 đồng. Hiện chị đang ở cùng bố mẹ đẻ không có nơi ở ổn định, không có tài sản gì nên không có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung.

Quá trình chung sống chị và anh Vương Văn T không có tài sản chung gì, không vay nợ ai.

Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Do bận công việc, chị Nông Thị H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Bị đơn anh Nông Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không hợp tác và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tại phiên họp vắng mặt anh Vương Văn T, chị Nông Thị H đã có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải vụ án.

Tại biên bản tự khai ngày 22/7/2025 cháu Vương Bảo N trình bày: Hiện cháu đang sinh sống cùng bố Vương Văn T tại thôn P, xã N, tỉnh Lạng Sơn, nếu bố mẹ ly hôn cháu mong muốn được ở với bố.

Tại biên lấy lời khai người làm chứng ngày 18/8/2025 ông Vương Văn C trình bày: Ông là bố đẻ của Vương Văn T là bố chồng của Nông Thị H. Về quan hệ hôn nhân: Nông Thị H và Vương Văn T kết hôn năm 2015, đăng ký kết hôn năm 2018, Sau kết hôn vợ chồng Vương Văn T vẫn ở chung cùng gia đình ông cho đến nay ông không thấy Vương Văn T và Nông Thị H có mâu thuẫn gì. Cuối năm 2017 hai vợ chồng đi làm nhưng anh chị làm khác công ty, từ đó Nông Thị H ít về nhà, đến năm 2021 Vương Văn T vi phạm pháp luật và đi chấp hành án, Nông Thị H cũng về nhà bố mẹ đẻ ở thôn K, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay

là xã L, tỉnh Lạng Sơn) ở cho đến nay, thỉnh thoảng chị có về thăm con xong lại đi ngay, đến tháng 5/2025 Vương Văn T chấp hành án xong về nhà có liên lạc gọi Nông Thị H về đoàn tụ gia đình nhưng chị không về mà còn tự ý làm đơn xin ly hôn với Vương Văn T. Nay Nông Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với Vương Văn T, gia đình ông đã nhận được giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho Vương Văn T. Hiện Vương Văn T mới đi làm nên không xin nghỉ về giải quyết vụ án được, gia đình ông đã thông báo cho Vương Văn T biết việc Nông Thị H xin ly hôn, Vương Văn T có ý kiến là vẫn còn tình cảm với Nông Thị H nên không đồng ý ly hôn mong Nông Thị H về đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Có một người con chung: Cháu Vương Bảo N, sinh ngày 11/01/2016, hiện nay cháu đang sinh sống cùng bố là Vương Văn T và gia đình ông, Nông Thị H đi làm từ khi cháu Vương Bảo N được 17 tháng tuổi do ông bà nội chăm sóc đưa đón cháu đi học. Vương Văn T có ý kiến trường hợp chị Nông Thị H cương quyết ly hôn thì Vương Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vương Bảo N đến khi con đủ 18 tuổi. Anh yêu cầu chị Nông Thị H cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Hiện tại anh có nhà cửa ổn định, đi làm thêm và đang làm ruộng, thu nhập của anh đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng Vương Văn T và Nông Thị H chưa tạo lập được tài gì cho gia đình ông, ngoài ra vợ chồng Vương Văn T và Nông Thị H có tài sản gì không, có nợ ai hay không gia đình ông không nắm được. Việc ly hôn là do vợ chồng Nông Thị H và Vương Văn T quyết định ông không có ý kiến gì. Các văn bản tố tụng Tòa án gửi cho Vương Văn T ông nhận thay và sẽ báo cho Vương Văn T biết ông cam đoan sẽ giao lại toàn bộ văn bản tố tụng của Tòa án lại cho Vương Văn T và xin Tòa án giải quyết vắng mặt ông cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại Biên bản xác minh ngày 08/8/2025 ông Hoàng Văn T trưởng thôn Pò Coóc, xã N, tỉnh Lạng Sơn trình bày: Ông làm trưởng thôn Pò C, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã N, tỉnh Lạng Sơn) từ năm 2010 cho đến nay, ông là hàng xóm với vợ chồng Vương Văn T và Nông Thị H, ông biết Vương Văn T và Nông Thị H kết hôn từ khoảng năm 2018, tuy là hàng xóm nhưng ông không nắm được thông tin gì việc Vương Văn T và Nông Thị H có mâu thuẫn hay không.

Tại biên bản làm việc ngày 08/8/2025: Tòa án trực tiếp đến nhà anh Vương Văn T làm việc có sự chứng kiến của Trưởng thôn Pò C, xã N, tỉnh Lạng Sơn. Đề thu thập tài liệu chứng cứ phục vụ giải quyết vụ án, nhưng anh Vương Văn T không có mặt ở nhà, Trưởng thôn đã liên lạc gọi điện thoại cho ông Vương Văn C là bố đẻ anh Vương Văn T, qua điện thoại ông Vương Văn C cho biết anh Vương Văn T đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập của Tòa án, anh biết việc chị Nông Thị H xin ly hôn với anh, hiện anh đi làm xa không xin nghỉ về giải quyết vụ án được, các văn bản tố tụng Tòa án gửi cho Vương Văn T gia đình ông nhận thay và sẽ thông báo và giao lại các văn bản tố tụng này cho Vương Văn T đầy đủ. Gia đình ông cũng không cung cấp được địa chỉ, nơi làm

việc của anh Vương Văn T cho Tòa án, gia đình ông cũng không cung cấp ý kiến, nội dung gì vì việc ly hôn, giải quyết về con chung, về tài sản chung, nợ chung là do Nông Thị H và Vương Văn T tự quyết định.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nông Thị H và anh Vương Văn T là hợp pháp, hai người tự do tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã N, tỉnh Lạng Sơn) vào ngày 08/11/2018. Sau khi kết hôn hai bên chung sống hạnh phúc, có một người con chung là Vương Bảo N sinh ngày 11/01/2016. Đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, anh Vương Văn T ham chơi và có đánh cờ bạc, có khi đi vài ngày chưa về, không quan tâm gì đến vợ con, gia đình. Từ khi chị Nông Thị H đi làm công ty ở Bắc Giang, anh Vương Văn T vi phạm pháp luật và đi chấp hành án, sau khi chấp hành án xong trở về, nhưng vợ chồng cũng không thể hàn gắn tình cảm được. Từ năm 2021, chị Nông Thị H về ở với bố mẹ đẻ tại thôn K, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã L, tỉnh Lạng Sơn), vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không quan tâm, chăm sóc nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Vương Văn T nhưng anh Vương Văn T không đến Tòa án cung cấp lời khai hay tài liệu, quan điểm gì về vụ án, điều đó thể hiện anh Vương Văn T không còn mong muốn đoàn tụ, chung sống với chị Nông Thị H. Như vậy, nhận thấy mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị Nông Thị H là có căn cứ.

- Về con chung: Chị Nông Thị H có yêu cầu sau khi ly hôn anh Vương Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng một người con chung là cháu Vương Bảo N cho đến khi con đủ 18 tuổi và chị Nông Thị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng. Nhận thấy, từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay, cháu Vương Bảo N sống cùng với anh Vương Văn T và ông bà nội, có ông bà nội hỗ trợ chăm sóc cháu, đưa đón cháu đi học. Anh Vương Văn T đi làm có thu nhập nên có đủ điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vương Bảo N, có nhà ở ổn định, hiện nay chị Nông Thị H đi làm công ty ở Bắc Giang, về ở cùng bố mẹ đẻ không có nhà, nơi ở ổn định nên điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con có phần hạn chế. Như vậy, anh Vương Văn T có điều kiện cả về kinh tế lẫn tinh thần để đảm bảo đáp ứng cho yêu cầu phát triển bình thường của con nên việc giao cháu Vương Bảo N cho anh Vương Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng là đảm bảo. Mặt khác, cháu Vương Bảo N hiện nay đã được 9 tuổi, cháu cũng có nguyện vọng được sống cùng với bố. Do vậy, yêu cầu về nuôi con chung của chị Nông Thị H có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị HĐXX tuyên: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nông Thị H. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu về con chung của chị Nông Thị H. Giao cháu Vương Bảo N sinh ngày 11/01/2016 cho anh Vương Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Nông Thị H cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng. Chị Nông Thị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đề nghị Tòa án xem xét.

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự và án phí cấp dưỡng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nông Thị H vắng mặt tại phiên tòa, hồ sơ thể hiện đã có lời khai, có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Vương Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, bố mẹ gia đình anh đã nhận văn bản tố tụng và thông báo cho anh biết việc chị Nông Thị H xin ly hôn với anh, nhưng anh không đến Tòa án để cung cấp tài liệu, lời khai ý kiến của mình, anh vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, người làm chứng ông Vương Văn C đã cung cấp lời khai có trong hồ sơ. Căn cứ các Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Bị đơn anh Vương Văn T, cư trú tại: Thôn P, xã N, tỉnh Lạng Sơn. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị H và anh Vương Văn T tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 08/11/2018 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L tỉnh Lạng Sơn, (nay là xã N, tỉnh Lạng Sơn). Như vậy, quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng có mâu thuẫn từ năm 2021 đến nay do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không quan tâm, yêu thương, chăm sóc giành cho nhau. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay, từ khi sống ly thân chị Nông Thị H không còn giành sự quan tâm, yêu thương, chăm sóc đối với anh Vương Văn T, không có hành động gì hàn gắn tình cảm, anh Vương Văn T cũng không có biện pháp gì để vợ chồng kết nối hòa giải hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Nông Thị H và anh Vương Văn T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng không còn khả năng hàn gắn. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Nông Thị H là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Nông Thị H và anh Vương Văn T có 01 con chung là Vương Bảo N sinh ngày 11/01/2016, Xét thấy hiện nay cháu đang sống cùng với bố đẻ Vương Văn T và ông bà nội cháu. Anh Vương Văn T đã có ý kiến yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung yêu cầu chị Nông Thị H cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu pháp luật. Anh đi làm thêm trồng trọt và chăn nuôi có thu nhập, có nhà ở ổn định, có ông bà nội cháu vẫn đủ sức khỏe để hỗ trợ anh chăm sóc cháu, xét điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung và sự hỗ trợ của ông bà nội, tiếp tục giao cháu Vương Bảo N cho anh Vương Văn T nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nông Thị H tự nguyện cấp dưỡng 2.000.000/tháng Anh Vương Văn T cũng yêu cầu chị Nông Thị H cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng. Xét việc bị đơn yêu cầu mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng, nguyên đơn tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng là phù hợp với mức sống nhu cầu của con và điều kiện khả năng công việc thu nhập của chị Nông Thị H và phù hợp với quy định của pháp luật, do vậy nguyên đơn chị Nông Thị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng trước ngày 30 hằng tháng. Chị Nông Thị H phải chịu lãi suất chậm trả nếu chị chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Chị Nông Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Nông Thị H thực hiện quyền này.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nông Thị H xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nông Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nông Thị H được ly hôn với anh Vương Văn T. (*Giấy đăng ký kết hôn số 52, ngày 08/11/2018 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Nay là xã N, tỉnh Lạng Sơn*).

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Vương Bảo N, sinh ngày 11/01/2016 cho anh Vương Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Nông Thị H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng là 2.000.000/tháng (hai triệu đồng/tháng) kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng trước ngày 30 hàng tháng. Chị Nông Thị H phải chịu lãi suất chậm trả nếu chị chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Chị Nông Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Nông Thị H thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Nông Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng. Tổng số tiền án phí chị Nông Thị H phải nộp là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) để nộp vào Ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Nông Thị H đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000005, ngày 14/7/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn, chị Nông Thị H phải nộp tiếp số tiền án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND ND khu vực 5 - Lạng Sơn;
- THADS tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã N, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Hoàng Thị Ngọc